

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 1/18
1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH NAM THỊNH	
2. Địa chỉ kiểm tra: Place of testing:	Công Trình Xây Dựng Rạp Xiếc & Biểu Diễn Đa Năng Phú Thọ - Đường Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh.	
3. Đối tượng kiểm tra: Type of testing:	Hệ thống hộp điện tầng 10 10th floor electrical box system	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	47 Thiết bị/ Equipment	
5. Phương pháp kiểm tra: Method of testing:	Theo yêu cầu khách hàng According to customer requirements	
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	27/06/2025	
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	- 15 Box nguồn chiếu sáng - 23 Box điện Toyo - 03 Box điện hệ nghe nhìn - 06 Box nguồn chiếu sáng (loại dài) (Xem trang sau/ See next page)	
8. Phương tiện kiểm tra: Testing equipment	Kyoritsu 3125A; Fluke 355; Fluke 287C; NF-826; HTC-1	
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	$(32 \pm 2)^{\circ}\text{C}$; $(60 \pm 5) \% \text{RH}$	
10. Kết quả kiểm tra: Testing result:	Xem trang sau See next page	
12. Kết luận Conclusion	Đạt yêu cầu về kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra Satisfied technical requirements at the time of examination	
Người Thực Hiện Executor Đoàn Nguyễn Huy Thắng Nguyễn Quốc Hoàn		

TN/QT-C/M01

Ban hành lần 2

- Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận, hoặc do khách hàng yêu cầu, các chỉ tiêu (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo thông tin khách hàng cung cấp;
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của ETSC.

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 2/18
---------------------------	--	---

Nội dung thông số kỹ thuật mục 7 trang 1

Content of specifications 7 page 1

7.1 15 Box nguồn chiếu sáng

STT: 01	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 02	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 03	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 04	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 05	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 06	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 07	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 08	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 3/18
---------------------------	--	---

Nội dung thông số kỹ thuật mục 7 trang 1

Content of specifications 7 page 1

7.1 15 Box nguồn chiếu sáng

STT: 09	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 10	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 11	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 12	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 13	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 14	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8
STT: 15	
Kiểu/ Model: IE-J	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16/32A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220/400VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 8

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 4/18
---------------------------	--	---

Nội dung thông số kỹ thuật mục 7 trang 1

Content of specifications 7 page 1

7.2 23 Box điện Toyo

STT: 01 (VS Connection box1)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 02 (VS Connection box2)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 03 (VS Connection box3)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 04 (VS Connection box4)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 05 (VS Connection box5)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 06 (VS Connection box6)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 07 (VS Connection box7)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 08 (VS Connection box8)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 5/18
---------------------------	--	---

Nội dung thông số kỹ thuật mục 7 trang 1

Content of specifications 7 page 1

7.2 23 Box điện Toyo

STT: 09 (VS Connection box9)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 10 (VS Connection box10)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 11 (VS Connection box11)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 12 (VS Connection box12)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 13 (VS Connection box13)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 14 (VS Connection box14)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 15 (VS Connection box15)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 16 (VS Connection box16)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 6/18
---------------------------	--	---

Nội dung thông số kỹ thuật mục 7 trang 1

Content of specifications 7 page 1

7.2 23 Box điện Toyo

STT: 17 (VS Connection box17)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 18 (VS Connection box18)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 19 (VS Connection box19)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 20 (VS Connection box20)	
Kiểu/ Model: LINKBOX VS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 3
STT: 21 (FS Connection box1)	
Kiểu/ Model: LINKBOX FS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 2
STT: 22 (FS Connection box2)	
Kiểu/ Model: LINKBOX FS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 2
STT: 23 (FS Connection box3)	
Kiểu/ Model: LINKBOX FS	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: 24VDC
Nhà sản xuất/ Manufacture: China	Số đầu cắm/ Number of sockets : 2

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 7/18
---------------------------	--	---

Nội dung thông số kỹ thuật mục 7 trang 1

Content of specifications 7 page 1

7.3 03 Box điện hệ nghe nhìn.

STT: 01	
Kiểu/ Model: Box02 – Pinanason PTRS1376	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: Không rõ/ NA
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 4
STT: 02	
Kiểu/ Model: Box02 – Pinanason PTRS1376	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: Không rõ/ NA
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 4
STT: 03	
Kiểu/ Model: Box02 – Pinanason PTRS1376	Dòng điện định mức/ Rated Current: Không rõ/ NA
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu vào/ Input voltage: Không rõ/ NA
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 4

7.4 06 Box nguồn chiếu sáng (loại dài)

STT: 01	
Kiểu/ Model: IE-I	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 6
STT: 02	
Kiểu/ Model: IE-I	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 6
STT: 03	
Kiểu/ Model: IE-I	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 6
STT: 04	
Kiểu/ Model: IE-I	Dòng điện định mức/ Rated Current: 16A
Tần số/ Frequency: 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ Output voltage: 220VAC
Nhà sản xuất/ Manufacture: Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ Number of sockets : 6

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 8/18
---------------------------	--	---

Nội dung thông số kỹ thuật mục 7 trang 1

Content of specifications 7 page 1

7.4 06 Box nguồn chiếu sáng (loại dài)

STT: 05	
Kiểu/ Model: IE-I	Dòng điện định mức/ <i>Rated Current</i> : 16A
Tần số/ <i>Frequency</i> : 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ <i>Output voltage</i> : 220VAC
Nhà sản xuất/ <i>Manufacture</i> : Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ <i>Number of sockets</i> : 6
STT: 06	
Kiểu/ Model: IE-I	Dòng điện định mức/ <i>Rated Current</i> : 16A
Tần số/ <i>Frequency</i> : 50/60 Hz	Điện áp đầu ra/ <i>Output voltage</i> : 220VAC
Nhà sản xuất/ <i>Manufacture</i> : Pinanson - Spain	Số đầu cắm/ <i>Number of sockets</i> : 6

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 9/18
---------------------------	--	---

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Tên chỉ tiêu Content	Mức quy định cho phép The level of provisions allowing	Kết quả kiểm tra Result	Đánh giá Assess
Nhãn mác Brand	Đầy đủ Full of Brand	Đầy đủ Full of Brand	Đạt/ Pass
Kiểu loại và kết cấu tổng thể Type and general contruction	Đúng với thiết kế True to the design	Đúng với thiết kế True to the design	Đạt/ Pass
Tình trạng các khí cụ điện Electronic instrument status	Hoạt động tốt Good operation	Hoạt động tốt Good operation	Đạt/ Pass
Tình trạng các kết nối Connections status	Chắc chắn Secure	Chắc chắn Secure	Đạt/ Pass
Tình trạng bề mặt kim loại Metal surfaces	Đúng với thiết kế True to the design	Đúng với thiết kế True to the design	Đạt/ Pass
Dây dẫn điện, vỏ bọc cách điện/ Wire, basic insulation	Đúng với thiết kế True to the design	Đúng với thiết kế True to the design	Đạt/ Pass
Vệ sinh, quan sát bên ngoài Hygiene, outside observation	Thiết bị còn nguyên vẹn, không bị nứt hay hư hỏng các bộ phận cách điện, dẫn điện The equitment remains intact, electrical conductors and insulators are not cracked or damaged.	Còn tốt/ Good	Đạt/ Pass

10.2 Đo điện trở cách điện của thiết bị/ Insulation resistance measurement of box:

10.2.1 15 Box nguồn chiếu sáng

Stt No	Đối tượng đo Items	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
STT: 01					
01	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 10/18
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.2 Đo điện trở cách điện của thiết bị/ Insulation resistance measurement of box:

10.2.1 15 Box nguồn chiếu sáng

Stt No	Đối tượng đo Items	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
STT: 02					
02	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 03					
03	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 04					
04	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 11/18
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.2 Đo điện trở cách điện của thiết bị/ Insulation resistance measurement of box:

10.2.1 15 Box nguồn chiếu sáng

Stt No	Đối tượng đo Items	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
STT: 05					
05	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 06					
06	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 07					
07	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 12/18
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.2 Đo điện trở cách điện của thiết bị/ Insulation resistance measurement of box:

10.2.1 15 Box nguồn chiếu sáng

Stt No	Đối tượng đo Items	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
STT: 08					
08	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 09					
09	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 10					
10	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 13/18
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.2 Đo điện trở cách điện của thiết bị/ Insulation resistance measurement of box:

10.2.1 15 Box nguồn chiếu sáng

Stt No	Đối tượng đo Items	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
STT: 11					
11	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 12					
12	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 13					
13	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 14/18
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.2 Đo điện trở cách điện của thiết bị/ *Insulation resistance measurement of box:*

10.2.1 15 Box nguồn chiếu sáng

Stt No	Đối tượng đo Items	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
STT: 14					
14	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 15					
15	Ổ cắm 1 pha				
	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	Ổ cắm 3 pha				
	(A+B+C+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(B+C+N) – A	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+C+N) – B	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	(A+B+N) – C	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 15/18
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.2 Đo điện trở cách điện của thiết bị/ Insulation resistance measurement of box:

10.2.2 03 Box điện hệ nghe nhìn.

Stt No	Đối tượng đo Items	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
STT: 01					
01	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 02					
02	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 03					
03	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass

10.2.3 06 Box nguồn chiếu sáng (loại dài)

Stt No	Đối tượng đo Items	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
STT: 01					
01	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 02					
02	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 03					
03	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 04					
04	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
STT: 05					
05	(A+N) – Vô	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 16/18
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.2 Đo điện trở cách điện của thiết bị/ Insulation resistance measurement of box:

10.2.2 06 Box nguồn chiếu sáng (loại dài)

Stt No	Đối tượng đo Items	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
STT: 06					
06	(A+N) – Vỏ	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass
	A – N	500	$\geq 2,0$	> 100	Đạt/ Pass

10.3 Kiểm tra kết nối tiếp địa giữa vỏ thiết bị và khung thép của tòa nhà/ Verify the grounding connection between the equipment casing and the building steel frame:

10.3.1 16 Box nguồn chiếu sáng

Đối tượng đo Items	Kết nối giữa vỏ thiết bị và khung thép của tòa nhà Connection between the equipment casing and the building steel frame	
STT: 01	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 02	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 03	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 04	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 05	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 06	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 07	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 08	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 09	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 10	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 11	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 12	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 13	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 14	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 15	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 17/18
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.3 Kiểm tra kết nối tiếp địa giữa vỏ thiết bị và khung thép của tòa nhà/ *Verify the grounding connection between the equipment casing and the building steel frame:*

10.3.2 23 Box điện Toyo

Đối tượng đo <i>Items</i>	Kết nối giữa vỏ thiết bị và khung thép của tòa nhà <i>Connection between the equipment casing and the building steel frame</i>	
STT: 01 (VS Connection box01)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 02 (VS Connection box02)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 03 (VS Connection box03)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 04 (VS Connection box04)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 05 (VS Connection box05)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 06 (VS Connection box06)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 07 (VS Connection box07)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 08 (VS Connection box08)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 09 (VS Connection box09)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 10 (VS Connection box10)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 11 (VS Connection box11)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 12 (VS Connection box12)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 13 (VS Connection box13)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 14 (VS Connection box14)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 15 (VS Connection box15)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 16 (VS Connection box16)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 17 (VS Connection box17)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 18 (VS Connection box18)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 19 (VS Connection box19)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 20 (VS Connection box20)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 21 (FS Connection box01)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 22 (FS Connection box02)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 23 (FS Connection box03)	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐

Số/ No: 1980/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 30/06/2025 Trang/ Page: 18/18
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.3 Kiểm tra kết nối tiếp địa giữa vỏ thiết bị và khung thép của tòa nhà/ *Verify the grounding connection between the equipment casing and the building steel frame:*

10.3.3 03 Box điện hệ nghe nhìn.

Đối tượng đo <i>Items</i>	Kết nối giữa vỏ thiết bị và khung thép của tòa nhà <i>Connection between the equipment casing and the building steel frame</i>	
STT: 01	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 02	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 03	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐

10.3.4 06 Box nguồn chiếu sáng (loại dài)

Đối tượng đo <i>Items</i>	Kết nối giữa vỏ thiết bị và khung thép của tòa nhà <i>Connection between the equipment casing and the building steel frame</i>	
STT: 01	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 02	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 03	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 04	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 05	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐
STT: 06	Có/ Yes ☒	Không/ No ☐

